TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 330/2018/HN&GĐ-ST
Ngày: 02/08/2018
V/v Ly hôn L – Tr

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn
Ông Đỗ Sơn Hùng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: không.

Ngày 02 tháng 08 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 287/2018/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 06 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2018/QĐXX – ST ngày 20 tháng 07 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị Trương Trúc L, sinh năm 1996 (có mặt)
Nơi cư trú: Số 234, tổ 8, ấp PT, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp
Bị đơn: Anh Phan Lê Tr, sinh năm 1992(có mặt)
Nơi cư trú: Số 804, tổ 32, ấp VQ, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1.Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1971(có mặt)
2.Chị Phan Thị Cẩm T, sinh năm 1987(vắng mặt)
Cùng cư trú: Số 804, tổ 32,ấp VQ, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 06 năm 2018 và lời khai nguyên đơn chị Trương Trúc L trình bày: Chị và anh Phan Lê Tr chung sống vợ chồng năm 2013, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã VTT. Trong thời gian chung sống, chị và em trai chồng cự cãi nhau, anh Tr gửi chị về nhà cha mẹ ruột và mời cha mẹ chị đến nhà thông báo anh Tr muốn ly hôn với chị. Chị đã về nhà cha mẹ ruột sống hơn 2 năm nay. Từ đó đến nay anh Tr không tới lui thăm nom chị và con chị. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn với anh Tr. Chị và anh Tr có một con chung là Phan Trương Quốc K, sinh ngày 08/06/2015 chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Có 04 chỉ vàng 24kr cho mẹ chồng Nguyễn Ngọc D mượn 03 chỉ, chị chồng Phan Thị Cẩm T mượn 01 chỉ yêu cầu bà D chị T trả lại chia theo pháp luật.

Bị đơn anh Phan Lê Tr trình bày: Anh thống nhất thời gian chung sống có đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với cha mẹ ruột anh. Giữa chị L và em trai anh có cự cải nhau chuyện vặt trong gia đình khi anh vắng nhà, khi anh về hỏi chuyện thì chị L cáo gắt và đòi lấy kéo đâm anh. Từ việc đó anh có nói gửi vợ lại cho cha mẹ vợ. Sau đó vợ chồng đi làm công nhân trên Thành phố Hồ Chí Minh có gặp mặt nhau, tới lui nhiều lần, vợ chồng ly thân đến nay khoảng hai năm. Anh còn thương vợ, anh không đồng ý ly hôn. Anh và chị L có 01 con chung Phan Trương Quốc K, sinh năm 2015 nếu ly hôn anh xin được nuôi con. Vợ chồng có tài sản chung là 04 chỉ vàng 24kr có cho mẹ và chị ruột mượn nhưng đã trả lại anh cất nhà, anh đồng ý chia theo pháp luật, nợ chung không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ bà Lê Thị Ngọc D và chị Phan Thị Cẩm T trình bày: Bà D có mượn 03 chỉ vàng 24kr và chị T có mượn 01 chỉ vàng 24kr là vàng cưới của vợ chồng anh Tr chị L nhưng sau đó đã trả lại cho anh Tr cất nhà.

Tại phiên tòa, Chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn, được nuôi con chung, tài sản chung là 04 chỉ vàng 24kr anh Tr quản lý chia theo pháp luật. Anh Tr thống nhất ly hôn, con chung đồng ý giao cho chị L nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; tài sản chung là 04 chỉ vàng anh trả lại chị L 02 chỉ vàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh Tr chung sống vợ chồng năm 2013, có đăng ký năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã VTT. Chị L và anh Tr sống chung với gia đình anh Tr. Trong thời gian chung sống giữa chị L và em trai anh Tr cự cải nhau, từ đó dẫn đến mẫu thuẫn giữa chị L và anh Tr. Chị L về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2016 đến nay. Chị L cho rằng ly thân 02 năm, tình cảm vợ chồng còn, chị xin ly hôn. Tại phiên tòa anh Tr đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu cho chị Ly được ly hôn anh Tr.

[2] Về con chung: Chị L và anh Tr có một con chung Phan Trương Quốc K, sinh ngày 08/06/2015 từ trước đến nay chị L là người nuôi dưỡng. Anh Tr đồng ý chị L được nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 9/2018 đến khi cháu K thành niên và lao động được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị L và anh Tr về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có nghĩa vụ tạo điều kiện cho anh Tr đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Tr thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung:

Chị L và anh Tr thống nhất có tài sản chung là 04 chỉ vàng 24kr loại 96% cho bà D (mẹ anh Tr) mượn 03 chỉ, chị T (chị anh Tr) mượn 01 chỉ; bà D và chị T đã trả lại đủ cho anh Tr. Anh Tr đồng ý có nghĩa vụ giao lại chị L 02 chỉ vàng 24kr.

Chị L và anh Tr không có nợ chung.

[4]Về án phí:

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về cấp dưỡng nuôi con và 300.000 đồng về chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 59, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân:

Cho chị Trương Trúc L được ly hôn anh Phan Lê Tr

Về con chung:

Chị L và anh Tr có một con chung Phan Trương Quốc K, sinh ngày 08/06/2015; giao cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Tr cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu K thành niên và lao động được.

Chị L có nghĩa vụ tạo điều kiện cho anh Tr đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Tr thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có quyền xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung:

Chị L và anh Tr có tài sản chung là 04 chỉ vàng 24kr loại 96% anh Tr đang quản lý. Anh Tr có nghĩa vụ giao lại chị Ly 02 chỉ vàng 24kr loại 96%.

Chị L và anh Tr không có nợ chung.

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo hai biên lai thu số 0002166 và 0002166 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP. Chị L không còn phải nộp thêm án phí.

Anh Tr phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Chị Tú vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thế Văn